**Trương Thái Du**

Z5. Tạp bút

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[Z5. Tạp bút](%22%20%5Cl%20%22bm2)

**Trương Thái Du**

Z5. Tạp bút

**1. Ta là ai?**

*(talawas 2.2005)*

Tiên tổ người Việt Nam lần đầu tiên trả lời câu hỏi “Ta là ai?” trong bài thơ thần bất hủ:

Nam quốc sơn hà nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Sách trời ở đây nhiều khả năng là Thượng Thư, tương truyền do Khổng Tử san định. Phần Đại Truyện, Thượng Thư chép: “Năm Tân Mão đời Chu Thành Vương (1063 – 1026 TCN) có Việt Thường Quốc phía nam Giao Chỉ đến kinh đô nhà Chu giao hảo, tặng chim bạch Trĩ”. Nam Man truyện trong Hậu Hán thư cũng viết đại ý như vậy: “G iao Chỉ chi nam hữu Việt Thường Quốc. Chu công cư nhiếp lục niên, chế lễ tác nhạc, thiên hạ thái bình. Việt thường thị dĩ tam tượng trọng dịch nhi hiến bạch trĩ”.

Trĩ là một loài gà rừng có lông đẹp. Khai phím điện não đầu xuân Ất Dậu, tôi muốn đưa ra cách hiểu mông muội của mình về “Việt Thường Quốc” - 越裳国 .

Sử cũ của người Việt rất bất nhất: An Nam chí lược của Lê Tắc (1335) xem Việt Thường thuộc Cửu Chân, tức Thanh Hóa ngày nay. Đại Việt sử lược (1388) xếp Việt Thường trong 15 bộ lạc xưa của Việt Nam. Đại Việt sử ký toàn thư (1697) coi chữ Việt trong Việt Thường là cội rễ của tên gọi Đại Việt sau này, Giao Chỉ cũng như Việt Thường đều thuộc Bách Việt, Châu Dương. Việt sử tiêu án của Ngô Thì Sĩ (1775) cho rằng Việt Thường là 1 trong 15 bộ của Văn Lang và diễn giải nước Việt khi đến giao hảo với nhà Chu tự xưng là Việt Thường. Khâm Định Việt sử (TK 19) định vị Việt Thường thuộc Thuận Hóa, miền trung Việt Nam, cũng là 1 trong 15 bộ của nước Văn Lang.

Như đã tiền luận ở các bài viết trước ngay tại talawas, Giao Chỉ đầu thời Chu là vùng Đan Dương (hiện thuộc Hồ Bắc, Trung Quốc). Người Lạc Việt gọi tổ quốc, gọi mảnh đất mình sống là Đất Nước, hoặc Nước. Người Trung Nguyên dùng Hán tự ký âm Đất Nước thành Âu Lạc hay dịch nghĩa Nước là Quốc. Vậy Việt Quốc có thể hiểu là Nước Việt, là Lạc Việt.

Vậy thì Việt Thường Quốc có liên quan đến Lạc Việt hay không sẽ nằm trong ngữ nghĩa của từ “Thường”.

Ai cũng biết "thường" thuộc bộ y mang nghĩa sơ khai là cái "quần". Cho nên tôi đoan nghi chữ "thường" mà cổ văn Trung Hoa gán thêm cho người Việt chính là tấm "khố" đặc trưng của văn minh Lạc Việt, của người Văn Lang và hiện nay nó vẫn minh diện trên trống đồng.

Trong chiều hướng này, "Việt Thường Quốc" là Nước Việt (Lạc Việt), nơi có những con người mặc khố và ở trần. Tục đóng khố ở trần của người Lạc Việt xưa cũng được nhắc đến trong Sử Ký, quyển 113 Nam Việt Uý Đà Liệt Truyện: “Kỳ Tây Âu Lạc lõa quốc diệc xưng vương”. Hán Thư (quyển 109) biên tập lại Sử Ký làm rõ hơn: “Tây hữu Tây Âu kỳ chúng bán nuy nam diện xưng vương”. Chữ “Lõa” của Tư Mã Thiên đã được Ban Cố diễn giải là “Bán nuy”, tức “khỏa thân nửa người hay ở trần”.

Ngoài ra với nguyên tắc "đồng âm thông giả", "thường" có thể là bình thường, nhỏ, bé... (như trong từ thường dân). Do đó "Việt Thường Quốc" cũng có thể là Nước Việt nhỏ, nước bình thường, kẻ ở chiếu dưới so với nhà Chu. Xin hiểu đây là kiểu mà sử sách Trung Hoa hay dùng để chỉ các nước phi Hán một cách tự cao tự đại. Hiển nhiên trong trường hợp này "thường quốc" khác hẳn "thuộc quốc", nó chứng tỏ sự độc lập không thể khác được từ buổi bình minh lịch sử của Lạc Việt.

Tròn một vòng Ất Dậu, từ đận non nước Việt Nam cởi bỏ xích xiềng nô lệ, ngành sử học ở đây vẫn chưa trả lời thỏa đáng câu hỏi: “Người Việt, nước Việt, chúng ta là ai?”. Ngày xuân khai bút, xin được nêu ra một cách diễn giải Việt Thường Quốc chính là Lạc Việt, đầu thời Chu trung tâm của nó nằm tại Động Đình Hồ.

*Thung Lũng Đa Thiện, Đà Lạt*
*Mùng 3 tết Ất Dậu*

**2. “Văn hóa” tường lửa của lệ làng**

*(talawas 6.2003)*

Thuở bán sử, nhà Tây Hán sang chiếm đóng Lạc Việt. Từ thời Mê Linh liệt nữ trở về trước các Lạc hầu, Lạc tướng vẫn được tự trị trong vùng đất rộng lớn của mình. Cuộc cưỡng đoạt và diệt chủng của Mã Viện đã thu nhỏ quy mô tự trị xuống đến đơn vị làng, xã. Đến đời Lý, phong kiến Việt Nam được tạo dựng, nền hành chính đã phân cấp xuống nhóm 50 nóc nhà gọi là Đảng, dưới đảng là Toại. Qua năm 1419 trong các văn bản nhà nước xuất hiện chức danh Lý trưởng để chỉ người đứng đầu 110 hộ, Giáp thủ đứng đầu 10 hộ. Đến tận thế kỷ 19, triều đình Việt Nam thống nhất vẫn chỉ bổ quan đến phủ huyện, từ tổng trở xuống thì dân tự trị. Tổng là một nhóm vài làng xã. Phong tục tập quán của làng xã, chính quyền cao hơn hầu như không can dự vào. Như vậy lề thói “phép vua thua lệ làng” có lịch sử đã mấy ngàn năm.

Trên quan điểm tiến hóa chính trị và xã hội, hành xử này chỉ có thể gọi là “truyền thống” chứ không thể xem là văn hóa. Vì nhiều người coi truyền thống đồng nghĩa với văn hóa nên đôi khi xuất hiện khái niệm “truyền thống văn hóa”. Thực ra văn hóa truyền thống là thành quả văn hóa cô đọng đã được công nhận như tinh hoa. Còn truyền thống là lề thói quen thuộc đi kèm với sự tôn sùng đôi khi vô thức.

Từ ngày mở cửa, cụm từ “văn hóa làng xã” được thổi lên tận mây xanh. Làng xã Việt Nam được xem như một pháo đài thanh lọc văn hóa ngoại lai suốt 800 năm nô lệ buổi sơ sử, cộng thêm 80 năm tây thuộc cận đại, như vậy nó hiển nhiên là chiếc nôi của bản sắc văn hóa Việt Nam. Tuy vậy, cũng nhờ mở cửa mà nhiều sự thanh lọc của ông bà xa xưa gây nên bao nỗi bàng hoàng cho con cháu. Ví như thầy đồ nghiên cứu Sử ký Tư mã Thiên chẳng ngại ngùng cắt phăng phần “Hóa thực liệt truyện” nói về nghệ thuật kinh doanh thương mại. Cổ nhân rõ ràng coi thường và rẻ rúng bọn con buôn để rồi đưa “cái nghèo” lên hàng đạo đức. [1]

Cơ thể sinh học khi bị viêm nhiễm, dị ứng sẽ dẫn đến nóng sốt. Kháng thể được sinh ra để tiêu bệnh. Với nhiều hệ miễn dịch yếu kém, nó lại bị chính kháng thể tấn công tạo nên thấp khớp. Cơn bạo bệnh nô lệ của cơ thể xã hội Việt Nam có thể đã qua rồi, nhưng chứng đau đớn khó chịu từ xương tủy vẫn còn hành hạ nó đến khi nào? Bệnh ngày càng nặng thêm hay tất yếu phải nhẹ đi?

Lý Đợi, trong bài phỏng vấn Tại sao tường lửa [2] đã gọi việc Talawas đang bị ngăn sông cấm chợ là “sự cố lệ làng”. Nói chung, nhức nhối kiểu tường lửa hiện nay của Talawas có thể gặp ở mọi chỗ, mọi nơi trong đời sống, sinh hoạt Việt Nam hiện tại và cả tương lai nữa.

Tôi xin lấy “văn hóa đi đường” làm một ví dụ nhỏ. Hiển nhiên già trẻ lớn bé trí thức trí ngủ đều phải đi tới đi lui và phải bước ra đường, vần vũ trong dòng xe gắn máy ầm ì tiếng động oanh tạc cơ và ngột ngạt khí thải chết người. Riêng cái vạch dừng màu trắng tại giao lộ đèn xanh đèn đỏ cũng lắm chuyện. Tôi ngờ 90% công dân Việt Nam không tin đây là ranh giới giữa loạn và an, giữa thức và ngủ, giữa người và ngợm [3], 9% nữa luôn sợ bị chửi vì gây chuyện lạ đời đành để nước bẩn cuốn đi. Thác loạn giữa những mảnh nhựa hắc ín chắp vá, người ta chen lấn giành giật từng phần tư bánh xe trở đi.

Luật có nhưng ai ai cũng thích dùng lệ. Hằng năm hơn 1 vạn người được đưa ma, gấp ba bốn lần số đó mang thương tật vĩnh viễn. Cuộc chiến tranh không súng đạn vẫn âm thầm gặm nhấm hòa bình. Song le luật cũng chẳng giống ai, hay nói khác đi cũng chỉ là lệ cải biên ẩu tả. Đơn cử quy định gắn kính chiếu hậu: thợ thủ công Sài gòn – Chợ lớn trúng quả đậm, gương soi mặt cắt bằng kim cương cùn thứ phẩm nham nhở dán vội lên những cái giá nhựa thô kệch bán rất chạy. Có là xong, kiếng quay ngược quay ngang cũng mặc nhưng tốt nhất đừng nhìn vào, độ rung của xe cộng với bề mặt phản xạ loạn xạ sẽ khiến người điều khiển xe chóng mặt gây tai nạn thì nguy. Một số xe nguyên thùng thì hẳn kính chiếu hậu phải là hàng chính hãng, đủ phẩm chất. Song người ta quy định gắn kính chứ có chỉ vẽ hoặc tuyên truyền cách thức và sự cần thiết phải sử dụng kính đâu. Cuối cùng hầu như lại 99% số người có kính không biết dùng nó để làm gì nên kêu trời oai oái vì bất tiện, va quệt.

Chẳng hiểu thời nay văn hóa ở đâu ra nhiều cơ man: gia đình văn hóa, ngõ hẻm văn hóa, khu phố văn hóa, thanh thiếu niên văn hóa, ngôi trường văn hóa, lễ hội văn hóa, di tích văn hóa… Để từ “văn hóa” làm vĩ ngữ nhiều dễ nhàm, người ta lại nhón nó ra phía trước: văn hóa ẩm thực, văn hóa kinh doanh, văn hóa lãnh đạo, văn hóa thi cử, văn hóa đối thoại, văn hóa hành xử, và nóng hổi trên diễn đàn này chắc chắn phải là “văn hóa tường lửa” của lệ làng!

Hai chữ “văn hóa” gần như trở thành nỗi ám ảnh của xã hội Việt Nam hiện đại với lưng vốn ước đoán bốn nghìn năm văn hiến. Nếu không thể thừa nhận nền nhân văn của chúng ta đang khủng hoảng thì ít nhất cũng phải xem nó bị bệnh nặng, với những tiền căn mơ hồ nhưng hoàn toàn không khó đoán định, trong đó “văn hóa lệ làng” đang xoáy lên các cơn nhức nhối từ xương tủy.

Ở góc độ nào đấy, về bản chất bức tường lửa của công nghệ thông tin không khác lũy tre làng Việt Nam là mấy. Bức tường lửa đôi khi được định nghĩa như mạng nội bộ, thanh lọc những kẻ nhập xuất bất hợp pháp. May mắn là một ổ khóa thường có nhiều chìa mở được, nhất là với sự tiến bộ từng ngày của ngành tin học. Phản ứng của nhiều độc giả, tác giả Talawas và cả bức thư gửi quan chức có trách nhiệm của người chủ trương đầy nhiệt huyết là dễ hiểu, dễ thông cảm và hoàn toàn hợp lý, nhưng vẫn không thoát ra khỏi cái bóng bức xúc hứng sảng. Một tâm tình bất chợt thăng hoa có thể khiến người ta thành thi sĩ lưu danh muôn thuở. Nhưng để nhận ra đâu là văn hóa truyền thống, đâu là hủ tục thô lậu, cần biết bao bĩ cực đoạn trường, biết bao trăn trở và khắc khoải. Và hơn ai hết, tôi tin những người yêu quí Talawas sẽ nghiệm được cách tự túm tóc mình, thoát vượt khỏi thực tại ô trọc dù kết quả hiển hiện trước mắt vẫn chỉ là một sự hoang mang không hơn không kém.

Tháng 6-2004

[1] Xem thêm Đoan Hùng: Đôi giòng tản mạn về hóa thực Liệt truyện. http://www.cafe68t.net/content/unicode/ThoVan.html

[2] http/talawas.org/diemnong/dn95.html

[3] Tí nữa thì tôi đã dùng “giữa Người và Con”, như nhiều tác giả hay nhầm lẫn, nếu không kịp nhớ đến bài học Việt ngữ sơ cấp: từ Con người bao gồm hai phần, trong đó chữ Con là lượng từ, hoàn toàn không mang nghĩa. Nếu ai đó có thể phân Con người ra thành Con và Người; vậy con dao, cái búa cũng có phần… động vật ư?

**3. Nói thêm về đám con hoang của Sartre**

*(talawas 8.2004)*
Ở quyển *L être et Néant* (Hữu thể và vô thể) in năm 1943, Jean Paul Sartre viết: "Ce qui compte dans un vase, c’est le vide du milieu", tạm dịch nghĩa: "Điều đáng kể của chiếc hũ (hoặc vò, bát, chén, bình, lọ) chính là phần trống rỗng ở giữa".
Tham khảo Thiên Thượng – Đạo Đức Kinh của Lão Tử, nguyên văn Hán Việt: “Tam thập phúc, cộng nhất cốc, đương kỳ vô, hữu xa chi dụng. Duyên thực dĩ vi khí, đương kỳ vô, hữu khí chi dụng. Tạc hộ dũ dĩ vi thất, đương kỳ vô, hữu thất chi dụng. Cố hữu chi dĩ vi lợi, vô chi dĩ vi dụng.” [[1]](http://www.ec.com.my/webproxy/nph-proxy.pl/010110A/http/www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=2658&rb=" \l "anm1anm1)
Tạm dịch: “Ba mươi nan hoa cùng qui vào bầu trục, nhưng chính nhờ khoảng trống không giữa bầu trục, xe mới dùng được. Nhào đất sét để làm chén bát, nhưng chính nhờ khoảng trống không ở trong, chén bát mới dùng được. Trổ cửa cái, cửa sổ để làm nhà, chính nhờ cái trống không đó, mà nhà mới dùng để ở được. Cứ tưởng cái ‘hữu’ là lợi, thực ra cái ‘vô’ mới làm cho ‘hữu’ có ích.”
[Nguyễn Quyến kể](http://www.ec.com.my/webproxy/nph-proxy.pl/010110A/http/www.talawas.org/talaDB/suche.php?res=1239&rb=0301&von=) [[2]](http://www.ec.com.my/webproxy/nph-proxy.pl/010110A/http/www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=2658&rb=" \l "anm2anm2), năm 1949 khi được Sartre mời “tranh luận”, triết gia Việt Nam Trần Đức Thảo đã chỉ ra J.P. Sartre đã đọc sách tư tưởng phương Đông và rút lấy bài học từ những chứng nghiệm của Thiền tông. Tuy nhiên, Sartre đã lầm lẫn từ những "hành động" nội tâm sang những hoạt động bình thường trong xã hội. Cuối cùng Sartre đã bỏ cuộc.
Nguyễn Văn Lục trong bài [*Những người con hoang của J.P. Sartre*](http://www.ec.com.my/webproxy/nph-proxy.pl/010110A/http/www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=2625&rb=0301) nhận xét: “Ðến Phật giáo, Lão giáo cũng nhập cuộc. Người ta vào đạo Phật qua lối ngõ của J.P. Sartre. Từ lăng kính Nho, Phật, Lão đến lăng kính Hiện tượng luận.” Vô hình chung, cho ta thấy một đường dẫn mờ ảo từ nền tảng Á Đông đến tư tưởng Sartre.
Câu hỏi ở đây là: Phải chăng triết gia ngoại hạng của Tây dương thế kỷ 20 đã “đạo văn” Lão Đam và đạo ý Thiền tông?
Nói cho cùng, Sartre đã thổi vào ngôn ngữ Việt Nam (qua các bản dịch) nhiều từ ngữ mới và bóng bẩy theo công thức: tiếng Tây ra tiếng Hán-Việt văn bản, rồi diễn nôm nếu có thể. Lê Thành Trị nghĩ rằng: “Chúng ta có thể nói quần chúng là nạn nhân nhiễm độc tư tưởng và tâm tình của ông, quần chúng, khác với Hàn lâm viện nhà vua Thụy Điển, sẽ không thấy Sartre có công đặt ra hoặc gợi lên nhiều vấn đề nhân sinh, kể cả chính trị, đáng cho thức giả suy nghĩ trên giấc mơ chân lý toàn diện.” [[3]](http://www.ec.com.my/webproxy/nph-proxy.pl/010110A/http/www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=2658&rb=" \l "anm3anm3)
Ở mức độ nào đấy, thứ Hán-Việt văn bản kia đã chôn vùi con người Việt Nam trong mớ ngữ nghĩa ông chằng bà chuộc. Đi lạc trong rừng chữ, đánh vật với chữ mới chính là nguyên nhân đẻ ra đám con hoang kỳ dị nọ.
Riêng tôi thì chỉ thu nhặt được ở Sartre bản dịch vài bụi cỏ chữ trong một mùa xuân non trẻ trống rỗng, nếu không kể đến liên tưởng cực đoan: có thứ gì đó rất chung toát lên giữa những người Pháp ở ba sự kiện sau: Napoléon minh triết: “Cái cao cả và sự lố bịch chỉ cách nhau 1 bước chân” rồi hạ lệnh bắn đại bác vào tượng nhân sư Ai Cập để tìm… vàng. Sartre chiêm nghiệm: “Con người bị ném vào cuộc đời và phải chịu trách nhiệm về việc hắn làm”. Bọn lính Pháp trước khi rút khỏi Hà Nội năm 1954 thì không nói nhiều, chúng lạnh lùng đặt thuốc nổ phá tan Chùa Một Cột.
Thật đáng mừng, người Pháp thế kỷ 21 đã phản ứng khá mạnh mẽ khi Taliban phá hủy 2 tượng Phật ở Bamiyan, Afghanistan.

[[1]](http://www.ec.com.my/webproxy/nph-proxy.pl/010110A/http/www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=2658&rb=" \l "nr1nr1) Lão Tử - Đạo Đức Kinh, Nguyễn Hiến Lê dịch, NXB Văn Hóa 1994.
[[2]](http://www.ec.com.my/webproxy/nph-proxy.pl/010110A/http/www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=2658&rb=" \l "nr2nr2)Triết gia Trần Đức Thảo - Người chiến binh của niềm hy vọng, Nguyễn Quyến – talawas 26.4.2004
[[3]](http://www.ec.com.my/webproxy/nph-proxy.pl/010110A/http/www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=2658&rb=" \l "nr3nr3)Lê Thành Trị - Hiện tượng luận về Hiện sinh, Phủ quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, xuất bản tại Sài Gòn năm 1969.
**4. TRUNG HOA VÀ VẤN ĐỀ ĐÀI LOAN**

*(Nguoiviet online 2004 dưới bút danh TLT)*

Như lệ thường, trước và sau mỗi lần bầu bán tổng thống tại hòn đảo Đài Loan, giới truyền thông lại có dịp vào cuộc đình đám. Lời qua tiếng lại giữa eo biển rộ lên, các quốc gia lớn trên thế giới bàn ra tán vào, chung quy chỉ quanh quẩn với một khái niệm mang tính lý thuyết ở thì tương lai : “độc lập” hay không “độc lập”.

Có lẽ không cần minh giải chữ “độc lập” ở đây. Cốt lõi vấn đề hình như nằm đâu đó trong tư tưởng nhất thống truyền thống của Trung Hoa, có liên hệ xâu chuỗi cùng các yếu tố bất ổn tiềm tàng của nhà nước Trung Hoa hôm nay.

Thật vậy, tư tưởng nhất thống đã thành hình trong nền triết học Tiên Tần rực rỡ và được Thủy Hoàng Đế áp dụng triệt để bằng cách bỏ tục chia đất phong vương, với mục đích hết sức nhân đạo là vĩnh viễn trừ bỏ cảnh cát cứ dẫn đến chiến tranh xâu xé liên miên. Hơn hai ngàn năm sau đó, tư tưởng này lúc thịnh lúc suy hoặc bị diễn giải theo ý nghĩa thời cuộc nhưng chưa bao giờ mất dấu.

Năm 1949, trên phương diện vũ lực Mao Trạch Đông hoàn toàn có khả năng thu hồi nốt Đài Loan, nhưng hình như ông muốn hòn đảo này tồn tại như một quân cờ trong tổng thể các sách lược chính trị vĩ mô mang tên Mao. Tất nhiên hệ quả ấy không thể không có những tác động ngoại lai, tình thế dưới những ảnh hưởng hữu cơ của một trật tự thế giới mới sau đệ nhị Thế chiến.

Năm tháng qua đi, Trung Hoa mạnh mẽ dần lên. Họ thu hồi được Hương Cảng và Áo Môn bằng chính sách “Một quốc gia hai chế độ”. Tuy nhiên nguy cơ bất ổn vẫn còn nguyên đó : Tây Tạng, Tân Cương là hai khối u có thể bùng phát thành cơn bạo bệnh ác tính bất cứ lúc nào. Ngoài ra các khu vực ngoại vi Trung Nguyên như Mãn Châu, Nội Mông, Hoa Nam bề ngoài đã Hán hóa gần 100% nhưng ai biết chủ nghĩa ly khai đã bị tiêu diệt hẳn chưa. Những ảo tưởng ngây thơ như việc thành hình một quốc gia Hoa Nam trên cơ sở Bách Việt cũ, sẽ làm phên dậu cho đông nam Á và cả Đài Loan chưa đủ giá trị để Bắc Kinh lo lắng, nhưng cảnh giác không thừa luôn là tư chất điển hình của nghệ thuật cai trị của giới cầm quyền Trung Hoa từ xưa đến nay.

Trên bình diện quốc tế và khu vực, Đài Loan lại phù hợp với chính sách tái mở rộng can thiệp và ảnh hưởng của người Mỹ ở vùng châu Á – Thái bình dương. Những đồn đoán chung quanh thỏa thuận ngầm Trung - Mỹ đầu thập kỷ 1970 luôn không rõ ràng nhưng có một thực tế là, sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, người Mỹ tin chẳng chóng thì chầy Trung Hoa sẽ thay chân Liên Xô cũ làm đối trọng với Mỹ ở các vấn đề toàn cầu. Và cuộc chiến Mỹ - Trung (nếu có) gần như không thể tìm ra kẻ thắng, người thua.

Như thế, hành xử của Trung Hoa với Đài Loan không phản ánh thực chất mối quan hệ có giới hạn giữa hòn đảo này và đại lục. Nó được đặt vào bức tranh toàn cảnh, nơi có bầu áp suất ngột ngạt bởi những áp lực nội bộ và khu vực thường trực hiện diện. Trung Hoa không cho phép mình thất bại, hay bị lép vế trên bất cứ phương diện nào dính dáng đến Đài Loan, điều ngược lại đồng nghĩa với việc khai mào hiệu ứng đôminô dẫn đến một nước Trung Hoa ly tán. Để bảo tồn nhất thể Trung Hoa và truyền thống lịch sử mấy ngàn năm của mình, chắc chắn người Trung Hoa luôn đồng ý chấp nhận bất cứ cái giá nào phải trả mà không cần cân nhắc đắt rẻ theo thói thường.

Tuy nhiên, trong những thời điểm nhập nhằng trước mắt, mọi biểu hiện bất lợi cho Trung Hoa từ hòn đảo Đài Loan đều phải hứng chịu những phép thử không nương tay, một kiểu dằn dứ đe nẹt đa chiều, và không hề vô nghĩa.

Có lẽ hơn ai hết, các ứng viên tổng thống Đài Loan thấu hiểu triệt để bản chất của vấn đề. Do đó những màn kịch cứ diễn đi diễn lại 4 năm một lần trên đảo, dẫu ngày càng phức tạp vẫn không thoát khỏi tính ưỡn ẹo, làm mình làm mẩy gây chú ý và mua chuộc phiếu cử tri. Chính vì thế các ông chằng bà chuộc này chưa bao giờ ngượng miệng khi thao thao bất tuyệt các quan điểm đổi chiều như chong chóng, mâu thuẫn đến lố bịch, xung quanh hai chữ “độc lập”.

#

# 5. TẢN MẠN VỚI NHẠC VÀ "nhạc" TRỊNH

#

# *(talawas 9.2003)*

#

# Hai mươi tuổi, sau khi kết thúc một mối tình vớ vẩn, ngồi trên vạt cỏ cháy triền đê sông Hồng tôi thốt lên : " Ta thấy em trong tiền kiếp, với cọng buồn cỏ khô…"

# Ba mươi tuổi, mệt nhoài mưu sinh rồi lận đận công danh sự nghiệp, từ Đà Lạt xuôi qua đèo Đờ Răng, vô tình nhìn thấy một ngọn núi lẻ loi đội mây, hai sườn núi trời quang, nắng vàng hoe, tôi lẩm nhẩm : " Mây che trên đầu và nắng trên vai…"

# Từ đó tôi hết mê nổi nhạc Trịnh.

#

# Thời gian thoi đưa, bè bạn tôi đứa nào cũng trưởng thành : Giảng viên đại học có, văn nghệ sĩ nổi tiếng có, đại gia cũng có… Năm thì mười họa thằng tôi mới gặp đứa này đứa kia mặt mày hớn hở xùy ra tấm danh thiếp, chức danh trí thức mậu dịch khua loảng xoảng. Rõ lạ, càng no cơm ấm cật, càng trí thức chúng càng khoái triết lý. Chúng thuộc nhạc Trịnh như thuộc sấm và dẫn nhạc Trịnh như kinh kệ tôn giáo.

#

# Ném nhạc Trịnh vào sọt rác ký ức đã lâu, tôi bỗng chột dạ. Tôi nghe tới nghe lui Khánh Ly như tìm lại chính mình. Cảm giác trồi sụt, lẫn lộn nhưng sau một tuần tự hành xác tôi không khỏi tâm đắc : Trịnh Công Sơn chính là nhà triết học vĩ đại, ông thánh vừa… ngủm của Sài Gòn 300 năm! Mặc tình ai chê bai trách cứ, tôi vẫn tin TCS là một nhà thơ tài ba, nhà hiền triết của tình yêu trong bể thân phận, nhà của mọi nhà nhưng tuyệt đối không thể là một nhà NHẠC được.

#

# Đọc vài bài nói về nhạc của các vị Nguyễn Hữu Liêm, Trịnh Thanh Thủy, Patrick Raszelenberg trên Talawas tôi đâm ra phân vân. Thậy vậy, so sánh "Cọng buồn cỏ khô…" và "Cọng cỏ khô buồn…" thấy hay hay là lạ. Có người bảo TCS sử dụng cấu trúc Pháp ngữ cho tiếng Việt, cho "thơ" của ông. Nhớ một thời văn nghệ sĩ Sài Gòn 280 năm rêu rao châm chọc họ Trịnh : " Sơn vàng ôm guitar đỏ hát nhạc màu … da cam". Nói vậy tội cho "ANH" quá. "ANH" đã lên nông trường rồi ra biên giới với đôi chân không ngần ngại rồi mà dám bảo "ANH" da cam ư ?

#

# Từ ngày Trịnh ra đi, Sài Gòn hơn 300 năm gọi Trịnh là "ANH" (Viết hoa) như tôi đã nắn nót ở trên. Thiên hạ phát hiện ra "ANH" có biết bao nhiêu là bạn thân thiết và hằng hà sa số giai thoại vui buồn quanh cung Mi thứ của "ANH". Bọn nghệ sĩ choai choai bị ảnh hưởng nặng nề bởi ca từ của "ANH". Thơ thẩn, văn chương xào chữ của "ANH" hằng hà thiên lủng. Họ khoái nhất từ "vô thường" mà thực chất thì chẳng hiểu "vô thường" với Trịnh là cái quái gì. Xin mạn phép Bùi Giáng (dẫn theo La Toàn Vinh) để định nghĩa cái "vô thường" của họ Trịnh:

#

# Thu Ba ngồi cạnh Thu Bồn

# Thu Bồn khoái chí "vô thường" Thu Ba

#

# Vâng, tôi quả thực đã hơi quá đà. Nhân cách của TCS chính là nhạc cách (theo kiểu nói của Phùng Quán gì đó). Họ Trịnh và di sản của ông dù không quá lớn lao nhưng cũng "bất thường", hơn hẳn bao kẻ "bình thường" đi qua cõi đời này như giá áo túi cơm. Cái đáng buồn ở đây là sự đóng khung, máy móc của kẻ sĩ đời nay. Họ tự hạ thấp mình bằng việc chứng minh cái "sĩ" cái "trí" của mình với nhạc, họa, thi ca và cả triết học của họ Trịnh.

# Theo tôi ý tưởng của Nguyễn Hữu Liêm khi viết bài "Cái âm điệu tủi thân, bi đát" rất tích cực nhưng sự vụng về trong diễn đạt khiến "tâm" và "ngôn" mâu thuẫn quyết liệt với nhau. Những bài phản ứng tiếp theo chỉ đánh vào sự vụng về" đó. Rất mong người đọc, người tham luận có định hướng hơn, hơn là đi vào những chuyện "bà Tám" vô bổ, phù phiếm.

#

# ĐÀ LẠT 11/9/2003

……..

Về bản quyền chung : Tất cả các bài tạp văn kí tên Trương Thái Du dưới 30 ngàn chữ đều được tác giả để ở chế độ bản quyền mở. Mọi cá nhân hoặc tổ chức có thể tải về miễn phí từ vnthuquan.net. Các hình thức sử dụng đuợc chấp nhận rộng rãi: trích dẫn, in trên báo, in thành sách, tái lưu trữ ở các loại “diễn đàn” hoặc kho sách điện tử khác.v.v.. Xin miễn sửa đổi hoặc biên tập thêm. Tác giả chỉ chịu trách nhiệm bản thảo tại kho sách vnthuquan.net với các phiên bản tu chỉnh sau ngày 01.01.2006.

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.
Nguồn: http://vnthuquan.net
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Nguồn:
Được bạn: đưa lên
vào ngày: 4 tháng 1 năm 2006